

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường
Năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30/35	0,85
II	Loại phòng học	30	0,85
1	Phòng học kiên cố	30	0,85
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5.679,50	3,53
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2	
VI	Tổng diện tích các phòng	1.843,5	
1.	Diện tích phòng học (m ²)	31	49m ²
2.	Diện tích thư viện (m ²)	1	100m ²
3.	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	1	200m ²
4.	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	-
5.	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	-
6.	Diện tích phòng tin học (m ²)	49	1,04
7.	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	1	24,5
8.	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	-
9.	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	1	24,5
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1.	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	35	1
1.1.	Khối lớp 1	7	01GV/bộ
1.2.	Khối lớp 2	7	01GV/bộ
1.3.	Khối lớp 3	6	01GV/bộ
1.4.	Khối lớp 4	8	01GV/bộ
1.5.	Khối lớp 5	7	01GV/bộ
2.	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	20	0,57
2.1	Khối lớp 1	0	-
2.2	Khối lớp 2	0	-
2.3	Khối lớp 3	6	0,17
2.4	Khối lớp 4	8	0,22



2.5	Khối lớp 5	7	0,2
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	42	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	11	0,31
2	Cát xét	8	0,22
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	0.02
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	0,22
5	Thiết bị khác	8	0,22

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	100 m ²
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		6		0.07
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*				0	

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thanh Liệt, ngày 31 tháng 8 năm 2025

Hiệu trưởng



Trần Thị Loan

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Tất cả HS 6 tuổi trong địa bàn thôn Tràng, thôn Vực, thôn Văn, Tổ dân phố số 1 phường Thanh Liệt đều được tuyển sinh.	Tất cả là HS 7 tuổi trong địa bàn phường Thanh Liệt đều được tuyển sinh. Yêu cầu HS đã hoàn thành chương trình lớp 1.	Tất cả là HS 8 tuổi trong địa bàn phường Thanh Liệt đều được tuyển sinh. Yêu cầu HS đã hoàn thành chương trình lớp 2.	Tất cả là HS 9 tuổi trong địa bàn phường Thanh Liệt đều được tuyển sinh. Yêu cầu HS đã hoàn thành chương trình lớp 3.	Tất cả là HS 10 tuổi trong địa bàn phường Thanh Liệt đều được tuyển sinh. Yêu cầu HS đã hoàn thành chương trình lớp 4.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (gọi tắt là chương trình giáo dục phổ thông năm 2018).				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none">- Hàng ngày, nhà trường thông báo tình hình học tập của học sinh qua số liên lạc điện tử (eNetViet); gia đình liên hệ thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm, với Ban Giám hiệu để cùng giáo dục HS.- HS chấp hành đầy đủ nội quy của trường, lớp, tích cực trong học tập.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Trong năm học nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt trải nghiệm; các buổi sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng; hoạt động ngoại khóa tham quan để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Kết quả cuối năm: <ul style="list-style-type: none">- Về năng lực, phẩm chất: 100% học sinh đạt tốt và đạt.- Về học tập: 99,9% học sinh hoàn thành tốt và hoàn thành.- 100% HS khối 5 hoàn thành chương trình tiểu học.- 100% HS có đủ sức khỏe để học tập, sinh hoạt, vui chơi.				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Cuối năm 100% HS đều có đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất để theo học các lớp trên.				

Thanh Liệt, ngày 05 tháng 9 năm 2025

Hiệu trưởng

Trần Thị Loan



THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
Năm học 2025 – 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp (Năm học 2024-2025)				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	65		1	57	2	2	3	3	37	14	53	01	0	
I	Cán bộ quản lý	3			3						3	3	0	0	
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2				
II	Giáo viên	55		1	52	2	0			37	11	50	1	0	
	<i>Giáo viên cơ bản</i>	40		1	39	0			0	26	10				
	<i>Giáo viên chuyên biệt:</i>	15			13	2			0	11	1				
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	5			5					4					
3	Tin học	2			1	1				1					
4	Âm nhạc	3			3					1	1				
5	Mỹ thuật	2			2					2					
6	Thể dục	3			2	1				3					
III	Nhân viên	7			2	0	2	3	3	1					
1	Nhân viên văn thư	1					1		1						
2	Nhân viên kế toán	1			1					1					
3	Nhân viên y tế - Thủ quỹ	1					1		1						
4	Nhân viên thư viện – Thiết bị đồ dùng	1			1				1						
5	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
6	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
7	Nhân viên bảo vệ	3						3							